TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **TP HÀ NỘI** *******	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc **********
Số:283/2020/QĐST-HNGĐ	*Thanh Trì, ngày 18 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 416/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/9/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị NGUYỄN THỊ M - SN 1987

ĐKHKTT+nơi cư trú: đội 1, xã N, huyện T, TP Hà Nội

- Bị đơn: Anh NGUYỄN VĂN T - SN 1983

ĐKHKTT+nơi cư trú: đội 1, xã N, huyện T, TP Hà Nội

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213; khoản 3 Điều 218 - Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình 2014

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 quy định về mức, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T**.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T

-Về con chung: xác nhận chị M và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Yến L sinh ngày 22/4/2005 và cháu Nguyễn Anh Q sinh ngày 14/8/2009. Anh chị thỏa thuận giao cháu L cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; giao cháu Q cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Các bên có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên có đơn yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung, nhà ở, công nợ: chị M và anh T tự thỏa thuận, không tranh chấp và không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên Tòa không xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện nộp cả 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị M đã nộp tại biên lai số AA/2017/006838 ngày 25/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả chị M 150.000 đồng (*một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện T
- Các đương sự
- UBND xã N, huyện T, HN
Số 68/2005, Quyển số 01
- Chi cục THA dân sự huyện T.
- Lưu HS vụ án

Thẩm phán

Đỗ Thị Mai Thu